

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 01 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn K, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2020, bà Nguyễn Thị G trình bày:

Về hôn nhân, vào ngày 12/01/2009 bà và ông Nguyễn Tấn K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Quá trình chung sống thời gian gần đây giữa bà và ông Nguyễn Tấn K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên thường hay cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Dù cả hai đã cố gắng tự hòa giải để giảm bớt mâu thuẫn nhưng không mang lại kết quả. Xét thấy cuộc sống hôn nhân

không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn K. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Khải M (giới tính nam) sinh ngày 25/7/2012. Bà Nguyễn Thị G yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

Đại diện chính quyền địa phương xã T, huyện P, tỉnh C xác định: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Tấn K không có yêu cầu hòa giải nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị G ly hôn với ông Nguyễn Tấn K. Giao con chung tên là Nguyễn Khải M (giới tính nam) sinh ngày 25/7/2012 cho bà Nguyễn Thị G chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, ông Nguyễn Tấn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Việc bà Nguyễn Thị G yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Tấn K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Tấn K vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Tấn K.

[2]. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Tấn K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Tấn K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét về mâu thuẫn thì bà Nguyễn Thị G, xác định giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cãi với nhau, cuộc sống chung không tìm được hạnh phúc và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

Ông Nguyễn Tấn K đã được triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ cho Tòa án xem xét cho thấy ông Nguyễn Tấn K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị G.

Xét thấy, hôn nhân của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Tấn K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ đó, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị G ly hôn với ông Nguyễn Tấn K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Có một người tên là Nguyễn Khải M (giới tính nam) sinh ngày 25/7/2012. Bà Nguyễn Thị G yêu cầu được nuôi con, xét thấy việc nuôi con của bà Nguyễn Thị G là có căn cứ, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của người con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G về việc không yêu cầu ông Nguyễn Tấn K phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị G xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý xét thấy là phù hợp.

[5]. Từ nhận định trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị G ly hôn với ông Nguyễn Tấn K.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị G chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Khải M (giới tính nam) sinh ngày 25/7/2012 cho đến khi Nguyễn Khải M đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Tấn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị G về việc không yêu cầu ông Nguyễn Tấn K cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị G đã nộp tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0012153, ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước